TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ - TIN HỌC
HỘI ĐỒNG THI ƯDCNTTCB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI CHỨNG CHỈ CNTT CƠ BẢN
Kỳ kiểm tra ngày 21 tháng 12 năm 2025

STT	SBD	MSSV	HỌ TÊN		N. SINH	NƠI SINH	ĐIỂM TRẮC NGHIỆM	ĐIỂM THỰC HÀNH	KẾT QUẢ
1	**CB58001**	QLCN2411031	Lê Tường	An	11/02/2005	Sóc Trăng	7.67	8.00	Đạt
2	**CB58002**	TCNH2411012	Lê Trường	An	27/01/2006	An Giang	7.33	8.00	Đạt
3	**CB58003**	TCNH2411048	Nguyễn Thanh Nhật	Anh	22/06/2006	Cần Thơ	5.33	8.25	Đạt
4	**CB58004**	KHDL2311060	Đặng Đinh Gia	Bảo	29/09/2005	Hậu Giang	8.00	10.00	Đạt
5	**CB58005**	CNDT2311038	Lê Hoàng Quốc	Bảo	20/04/2005	Cần Thơ	6.67	8.00	Đạt
6	**CB58006**	CNCD2211019	Nguyễn Gia	Bảo	13/10/2004	Cần Thơ	5.33	7.25	Đạt
7	**CB58007**	LUAT2351003	Ngô Thanh	Bình	19/07/2005	Cần Thơ	4.33	7.25	Không đạt
8	**CB58008**	2101005	Lê Minh	Cần	07/01/2003	Bạc Liêu	0.00	0.00	Không đạt
9	**CB58009**	2000074	Kim Minh	Châu	30/01/2000	Trà Vinh	6.67	6.25	Đạt
10	**CB58010**	LUAT2311012	Nguyễn Thị	Dung	31/07/2005	An Giang	4.67	5.75	Không đạt
11	**CB58011**	CNDT2411053	Nguyễn Đình Mạnh	Dũng	29/10/2006	Cần Thơ	7.33	9.00	Đạt
12	**CB58012**	LUAT2411064	Huỳnh Thị Trúc	Duy	23/11/2005	Sóc Trăng	7.00	7.75	Đạt
13	**CB58013**	2100829	Nguyễn Khánh	Duy	27/03/1998	Vĩnh Long	6.33	8.75	Đạt
14	**CB58014**	2101302	Nguyễn Phúc	Duy	17/10/2003	Tiền Giang	8.00	7.75	Đạt
15	**CB58015**	LUAT2311004	Nguyễn Ánh	Dương	29/05/2005	Đồng Tháp	5.33	7.25	Đạt
16	**CB58016**	LQCC2411084	Nguyễn Vũ Linh	Đan	13/09/2006	Bạc Liêu	6.33	8.75	Đạt
17	**CB58017**	CNDT2311014	Nguyễn Hoàng Tuấn	Đạt	03/11/2005	Vĩnh Long	7.00	9.50	Đạt
18	**CB58018**	CNDD2211054	Liêu Khánh	Đăng	23/09/2004	Cà Mau	7.33	7.75	Đạt
19	**CB58019**	CNXD2411001	Nguyễn Hải	Đăng	10/06/2006	Bạc Liêu	7.00	9.25	Đạt
20	**CB58020**	QLXD2211007	Nguyễn Thị Hồng	Đoan	10/05/2004	Hậu Giang	4.33	7.00	Không đạt
21	**CB58021**	CNXD2411031	Hồ Minh	Đức	01/09/2006	Cần Thơ	4.33	7.25	Không đạt
22	**CB58022**	2100024	Lê Hoàng Tấn	Đức	14/04/2003	Cần Thơ	6.67	7.00	Đạt
23	**CB58023**	2100032	Nguyễn Trần Trường	Giang	27/08/2003	Bình Dương	7.67	6.50	Đạt
24	**CB58024**	QLCN2411010	Lưu Thị Ngọc	Giàu	26/01/2006	Hậu Giang	5.67	6.00	Đạt
25	**CB58025**	LUAT2411058	Nguyễn Chí	Giàu	15/09/2006	Cà Mau	6.67	6.25	Đạt

26	**CB58026**	2100642	Nguyễn Chí	Hải	26/09/2002	Sóc Trăng	5.33	6.25	Đạt
27	**CB58027**	NGNA2211064	Huỳnh Thị Thúy	Hằng	18/09/2004	Vĩnh Long	8.00	6.25	Đạt
28	**CB58028**	KETO2311027	Nguyễn Thị Mỹ	Hằng	17/05/2004	Cần Thơ	5.67	5.75	Đạt
29	**CB58029**	LUAT2411067	Hồ Bảo	Hân	16/03/2006	Cần Thơ	7.00	6.75	Đạt
30	**CB58030**	TCNH2411059	Lý Thúy	Hân	25/03/2006	Sóc Trăng	6.67	6.25	Đạt
31	**CB58031**	QLCN2411014	Nguyễn Ngọc	Hân	19/09/2005	Cần Thơ	7.33	5.75	Đạt
32	**CB58032**	LQCC2411030	Nguyễn Thị Bảo	Hân	16/11/2006	Cần Thơ	6.00	7.50	Đạt
33	**CB58033**	LUAT2411049	Tiêu Ngọc	Hân	07/03/2006	Hậu Giang	5.00	6.00	Đạt
34	**CB58034**	2101298	Lê Công	Hậu	20/02/2003	An Giang	6.67	7.25	Đạt
35	**CB58035**	2101160	Nguyễn Văn Chí	Hậu	28/07/2003	Hậu Giang	7.67	6.25	Đạt
36	**CB58036**	TCNH2411045	Ngô Thị Thanh	Hiền	25/07/2006	Sóc Trăng	6.67	6.50	Đạt
37	**CB58037**	CNHH2311014	Cao Minh	Hoàng	12/03/2005	Hậu Giang	7.67	7.25	Đạt
38	**CB58038**	2101375	Nguyễn Hoàng	Huy	30/01/2003	Cần Thơ	7.67	9.00	Đạt
39	**CB58039**	CNXD2411046	Lâm Lê Gia	Huy	03/07/2006	Cà Mau	7.33	8.25	Đạt
40	**CB58040**	KHDL2311036	Lư Hoàng	Huy	14/12/2005	Cần Thơ	7.33	7.25	Đạt
41	**CB58041**	KHDL2311056	Trần Vũ Minh	Huy	03/03/2005	Cần Thơ	5.67	8.50	Đạt
42	**CB58042**	TCNH2411044	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	26/12/2006	Hậu Giang	7.67	7.50	Đạt
43	**CB58043**	QTKD2311080	Ngô Cao Khánh	Huỳnh	13/04/2005	Bạc Liêu	7.00	6.50	Đạt
44	**CB58044**	2100950	Nguyễn Văn Lê	Huỳnh	06/09/2003	Đồng Tháp	5.67	5.50	Đạt
45	**CB58045**	2100623	Trương Trung	Kiên	24/01/2003	Sóc Trăng	5.33	7.00	Đạt
46	**CB58046**	KTNL2211033	Trương Đặng Đình	Kiệt	16/07/2003	Bạc Liêu	7.67	7.00	Đạt
47	**CB58047**	2100378	Nguyễn Việt	Khái	12/10/2003	Cà Mau	7.00	7.75	Đạt
48	**CB58048**	2101494	Đỗ Hoàng	Khang	24/08/2003	An Giang	8.67	8.50	Đạt
49	**CB58049**	LQCC2411051	Trần Ngọc Nhã	Khanh	11/03/2006	An Giang	7.33	8.00	Đạt
50	**CB58050**	KHDL2311032	Võ Hoàng	Khanh	14/10/2005	Đồng Tháp	7.33	7.00	Đạt
51	**CB58051**	CNTP2411095	Trần Duy	Khánh	07/10/2006	Cần Thơ	6.33	8.00	Đạt
52	**CB58052**	CNCD2211050	Phạm Đinh Gia	Khiêm	17/01/2004	Vĩnh Long	7.67	7.00	Đạt
53	**CB58053**	NGNA2411005	Lê Đăng	Khoa	09/06/2006	Vĩnh Long	6.67	6.50	Đạt
54	**CB58054**	2000673	Nguyễn Đăng	Khoa	24/09/2002	Cần Thơ	4.33	6.25	Không đạt
55	**CB58055**	QTKD2211086	Lục Minh	Khôi	20/08/2004	Cà Mau	3.67	7.25	Không đạt
56	**CB58056**	CNDT2211043	Trần Điền	Khôi	07/12/2004	Sóc Trăng	8.00	7.75	Đạt
57	**CB58057**	CNCD2311059	Đặng Thế	Khởi	02/01/2004	Cần Thơ	5.67	6.25	Đạt
58	**CB58058**	TCNH2411036	Huỳnh Hữu	Khương	24/10/2006	An Giang	7.00	5.25	Đạt
59	**CB58059**	2101225	Trần Phúc	Lâm	01/05/2003	Đồng Tháp	6.33	7.00	Đạt
60	**CB58060**	2100376	Lê Khả	Linh	16/05/2003	Cà Mau	7.33	7.25	Đạt
61	**CB58061**	1900455	Nguyễn Tấn	Long	01/01/2001	Cần Thơ	6.67	6.00	Đạt

62	**CB58062**	TCNH2411003	Trương Thị Huế	Lộc	06/01/2006	An Giang	7.67	7.25	Đạt
63	**CB58063**	2100311	Lê Triệu	Luân	08/06/2003	Sóc Trăng	8.00	9.00	Đạt
64	**CB58064**	CNDD2211069	Nguyễn Hoàng	Luông	13/09/2004	Cần Thơ	8.00	9.50	Đạt
65	**CB58065**	LUAT2411019	Lê Ngọc Thảo	Minh	07/06/2006	Cần Thơ	6.00	8.25	Đạt
66	**CB58066**	QLXD2211002	Nguyễn Nhật	Minh	27/10/2004	Cần Thơ	9.00	10.00	Đạt
67	**CB58067**	TCNH2411060	Nguyễn Thị Tuyết	Minh	06/02/2005	Cần Thơ	8.33	7.00	Đạt
68	**CB58068**	CNDD2412005	Trần Nhật	Minh	09/08/2006	Cần Thơ	0.00	0.00	Không đạt
69	**CB58069**	2100134	Đoàn Lê Hoài	Nam	08/12/2003	Cần Thơ	7.00	7.50	Đạt
70	**CB58070**	LQCC2411005	Nguyễn Hoàng	Nam	06/05/2006	Sóc Trăng	7.67	9.00	Đạt
71	**CB58071**	TCNH2411040	Cao Kim	Ngân	11/08/2006	An Giang	7.67	6.50	Đạt
72	**CB58072**	2100874	Nguyễn Thị Kim	Ngân	31/05/2003	Sóc Trăng	5.33	7.50	Đạt
73	**CB58073**	LUAT2311035	Võ Thị Thảo	Ngân	16/05/2005	Hậu Giang	7.67	7.25	Đạt
74	**CB58074**	2100102	Võ Hoàng	Nghĩa	14/05/2001	Sóc Trăng	7.67	6.50	Đạt
75	**CB58075**	CNTP2411055	Trần Nguyễn Khánh	Ngọc	25/06/2006	Đồng Tháp	8.00	8.75	Đạt
76	**CB58076**	2100830	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	12/01/2003	Cần Thơ	6.67	6.00	Đạt
77	**CB58077**	LQCC2411025	Trần Lê Hạnh	Nguyên	21/11/2006	Sóc Trăng	8.00	9.50	Đạt
78	**CB58078**	QTKD2311082	Đinh Ngọc	Nhân	02/01/2005	Cà Mau	6.67	7.50	Đạt
79	**CB58079**	CNHH2411042	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	14/09/2006	Kiên Giang	6.00	6.25	Đạt
80	**CB58080**	CNSH2211020	Nguyễn Yến	Nhi	20/09/2004	Hậu Giang	6.00	6.25	Đạt
81	**CB58081**	QLCN2211050	Phạm Thị Yến	Nhi	05/11/2004	Vĩnh Long	4.67	7.00	Không đạt
82	**CB58082**		Nguyễn Ngọc	Nhớ	30/01/2007	Cà Mau	5.33	6.75	Đạt
83	**CB58083**	LQCC2411018	Tôn Huỳnh	Như	17/10/2006	Sóc Trăng	7.33	6.50	Đạt
84	**CB58084**	CNHH2411025	Trần Ngọc Quỳnh	Như	17/07/2006	Đồng Tháp	8.00	8.25	Đạt
85	**CB58085**	2100185	Trần Nhựt	Phát	16/10/2003	Bạc Liêu	6.33	7.50	Đạt
86	**CB58086**	CNDD2211042	Ung Thanh Thiên	Phú	31/10/2004	Hậu Giang	8.33	9.00	Đạt
87	**CB58087**	LQCC2411003	Nguyễn Huỳnh Ngọc Như	Phúc	12/03/2006	Sóc Trăng	6.67	5.50	Đạt
88	**CB58088**	LQCC2411075	Lê Thị Mỹ	Phụng	26/06/2006	Cần Thơ	7.33	9.00	Đạt
89	**CB58089**	CNHH2411008	Trần Hoài	Phương	15/08/2006	Trà Vinh	7.67	7.25	Đạt
90	**CB58090**	LUAT2211005	Trần Ngọc	Phượng	15/11/2004	Cần Thơ	7.67	5.50	Đạt
91	**CB58091**	CNDT2311019	Đặng Văn	Quang	02/01/2005	An Giang	8.33	9.25	Đạt
92	**CB58092**	CNXD2411025	Bùi Văn	Quý	10/04/2006	Bạc Liêu	6.67	6.50	Đạt
93	**CB58093**	CNTP2411007	Trần Xuân	Quý	16/12/2006	Cần Thơ	6.67	5.75	Đạt
94	**CB58094**	LUAT2411029	Lê Thị Hoàng	Quyên	06/03/2006	Cần Thơ	4.33	7.00	Không đạt
95	**CB58095**	LQCC2411085	Tôn Thị Tú	Quyên	02/12/2006	Sóc Trăng	7.00	6.50	Đạt
96	**CB58096**	CNTP2411071	Trần Thị Như	Quỳnh	22/10/2005	Sóc Trăng	7.33	8.00	Đạt
97	**CB58097**	LUAT2411010	Nguyễn Thị Khắc	Ri	14/01/2006	Sóc Trăng	5.67	6.75	Đạt

98	**CB58098**	TCNH2411030	Lê Thị Na	Ril	12/04/2006	Sóc Trăng	6.67	6.75	Đạt
99	**CB58099**	LQCC2411069	Trương Thanh	Sơn	07/05/2006	An Giang	7.67	9.50	Đạt
100	**CB58100**	TCNH2411051	Lữ Văn	Tài	01/02/2006	Cần Thơ	8.67	8.00	Đạt
101	**CB58101**	LQCC2411077	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	19/10/2006	An Giang	6.67	7.75	Đạt
102	**CB58102**	2101568	Trần Hồng	Tiến	26/01/2003	Sóc Trăng	7.33	5.75	Đạt
103	**CB58103**	CNDT2311046	Tè Phước	Toàn	11/05/2005	Sóc Trăng	7.67	7.00	Đạt
104	**CB58104**	2100586	Lê Thanh	Tuấn	26/12/2003	Hà Nội	5.67	7.00	Đạt
105	**CB58105**	TCNH2411007	Trang Thị Kiêm	Tuyền	15/08/2006	Hậu Giang	6.67	8.25	Đạt
106	**CB58106**	CNSH2211003	Lê Nguyễn Quốc	Thái	23/06/2004	Hậu Giang	6.67	5.75	Đạt
107	**CB58107**	CNDD2211030	Nguyễn Quốc	Thái	14/09/2004	Hậu Giang	8.67	9.25	Đạt
108	**CB58108**	LUAT2411046	Nguyễn Mai	Thảo	07/08/2006	Cần Thơ	7.00	7.75	Đạt
109	**CB58109**	TCNH2411011	Nguyễn Thị Phương	Thảo	10/10/2006	An Giang	7.00	7.75	Đạt
110	**CB58110**	LQCC2411041	Võ Thị Ngọc	Thắm	05/04/2005	Kiên Giang	6.00	7.00	Đạt
111	**CB58111**	2101635	Mai Bảo	Thi	22/10/2003	Cần Thơ	2.33	5.25	Không đạt
112	**CB58112**	CNTP2411004	Võ Chí	Thiện	05/10/2006	An Giang	7.00	7.25	Đạt
113	**CB58113**	2101523	Đặng Phát	Thịnh	20/11/2003	Cần Thơ	6.33	7.75	Đạt
114	**CB58114**	CNDT2211001	Trần Phước	Thịnh	31/07/2004	Bạc Liêu	7.33	9.00	Đạt
115	**CB58115**	LUAT2411018	Trần Chí	Thuần	11/04/2006	Sóc Trăng	7.67	7.50	Đạt
116	**CB58116**	LQCC2411004	Đặng Anh	Thư	24/11/2005	An Giang	8.67	9.00	Đạt
117	**CB58117**	LUAT2411079	Phạm Thị	Thương	27/05/2006	An Giang	8.33	7.00	Đạt
118	**CB58118**	CNDT2211020	Nguyễn Thị Bích	Trâm	04/10/2004	Cần Thơ	5.33	7.00	Đạt
119	**CB58119**	LQCC2411021	Huỳnh Thị Huyền	Trân	04/10/2006	Sóc Trăng	5.67	8.50	Đạt
120	**CB58120**	LQCC2411103	Nguyễn Hồ Bảo	Trân	02/03/2006	Cần Thơ	6.33	7.50	Đạt
121	**CB58121**	LQCC2411034	Trịnh Thảo	Trân	10/03/2006	Hậu Giang	8.00	9.75	Đạt
122	**CB58122**	TCNH2411001	Nguyễn Mỹ	Triệu	17/10/2006	Cà Mau	7.67	8.00	Đạt
123	**CB58123**	LQCC2411104	Nguyễn Thị Tú	Trinh	17/08/2000	Sóc Trăng	4.67	6.50	Không đạt
124	**CB58124**	QLCN2311045	Nguyễn Trương Tú	Trinh	18/02/2005	Cần Thơ	8.67	7.25	Đạt
125	**CB58125**	TCNH2411021	Thạch Thị Tú	Trinh	28/04/2006	Sóc Trăng	5.67	6.00	Đạt
126	**CB58126**	2100643	Nguyễn Văn	Trọng	20/09/2003	Cần Thơ	5.33	8.75	Đạt
127	**CB58127**	QLCN2411002	Lâm Thùy	Uyên	12/08/2006	Sóc Trăng	5.33	4.00	Không đạt
128	**CB58128**	CNTP2411042	Đoàn Thị Thanh	Vân	08/09/2006	An Giang	7.67	9.00	Đạt
129	**CB58129**	2101014	Dương Vĩnh	Vi	26/10/2003	Trà Vinh	5.00	5.25	Đạt
130	**CB58130**	CNDT2211027	Trần Chí	Vĩ	30/06/2004	Sóc Trăng	6.33	6.75	Đạt
131	**CB58131**	2101075	Lê Thanh	Vinh	13/10/2003	Cần Thơ	6.00	9.00	Đạt
132	**CB58132**	2101167	Đặng Minh	Vương	01/10/2003	Cà Mau	6.67	6.75	Đạt
133	**CB58133**	CNTP2411099	Nguyễn Ngọc Tường	Vy	02/09/2006	Cần Thơ	6.67	8.75	Đạt

134	**CB58134**	LQCC2411010	Nguyễn Võ Thảo	Vy	18/02/2006	An Giang	6.67	7.00	Đạt
135	**CB58135**	TCNH2411025	Trần Thảo	Vy	07/11/2006	An Giang	8.33	9.25	Đạt

THƯ KÝ

CHÂU MIÊU THANH

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

NGUYỄN BÁ DUY